



NHỮNG HẠN CHẾ CỦA PHÁP LUẬT VỀ ĐIỀU KIỆN GIAO DỊCH CHUNG TRONG HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM TÀI SẢN VÀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN

Phạm Bá Tân, Ngô Minh Tiến

Trường Đại học Luật, Đại học Huế, đường Võ Văn Kiệt, tp. Huế, Việt Nam

* Tác giả liên hệ: **Phạm Bá Tân** < phambatan@hueuni.edu.vn >

(Ngày nhận bài: 17-03-2023; Ngày chấp nhận đăng: 14-07-2023)

Tóm tắt. Hiện nay, lợi dụng những hạn chế của pháp luật quy định về điều kiện giao dịch chung trong hợp đồng bảo hiểm tài sản, một số doanh nghiệp bảo hiểm đã lồng ghép các điều khoản gây bất lợi cho người mua bảo hiểm vào hợp đồng. Để hạn chế vấn đề này trong tương lai bài viết phân tích và đánh giá thực trạng các quy định pháp luật Việt Nam về điều kiện giao dịch chung trong hợp đồng bảo hiểm tài sản qua đó kiến nghị những giải pháp hoàn thiện. Đối tượng nghiên cứu trong bài viết là những quy định của pháp luật Việt Nam và một số nước trên thế giới về điều kiện giao dịch chung trong hợp đồng bảo hiểm tài sản. Trên cơ sở phân tích thực trạng quy định pháp luật Việt Nam với nhiều ví dụ cụ thể, thông qua phương pháp so sánh đối chiếu với một số quy định pháp luật nước ngoài, bài viết đề xuất một vài kiến nghị nhằm giúp hoàn thiện các quy định pháp luật của Việt Nam về điều kiện giao dịch chung trong hợp đồng bảo hiểm tài sản.

Từ khóa: Điều kiện giao dịch chung, hợp đồng bảo hiểm tài sản, doanh nghiệp bảo hiểm, bên mua bảo hiểm.

THE LEGAL LIMITATIONS ON GENERAL TRANSACTION CONDITIONS IN PROPERTY INSURANCE CONTRACTS AND SOME RECOMMENDATIONS FOR COMPLETE

Pham Ba Tan, Ngo Minh Tien

University of Law, Hue University, Vo Van Kiet St., Hue, Vietnam

*Correspondence to **Pham Ba Tan** < phambatan@hueuni.edu.vn >

(Received: March 17, 2023; Accepted: July 14, 2023)

Abstract. Currently, taking advantage of the limitations of the law on general transaction conditions in property insurance contracts, some insurers have incorporated terms detrimental to the policyholder into the contract. To limit this problem in the future, the article analyzes and evaluates the current situation of Vietnam's legal regulations on general transaction conditions in property insurance contracts, thereby proposing perfect solutions. The article's research object is the provisions of the laws of Vietnam and some countries in the world on general transaction conditions in property insurance contracts. Based on analyzing the current situation of Vietnamese legal regulations with many specific examples, through a comparative method with several foreign legal regulations, the article proposes a few recommendations to help improve Vietnam's legal regulations on general transaction conditions in property insurance contracts.

Keywords: general transaction conditions, property insurance contracts, insurance enterprises, insurance buyers.

1. Đặt vấn đề

Trong cuộc sống mỗi con người, gia đình và xã hội từ xưa đến nay luôn phải đối mặt với những yếu tố không thuận lợi, ngoài ý muốn, đó là hiểm họa, rủi ro. Nguyên nhân gây ra những rủi ro là yếu tố tự nhiên, kỹ thuật và các yếu tố xã hội khác. Mặc dù xã hội hiện đại với khoa học kỹ thuật phát triển nhưng chúng ta vẫn không thể loại trừ được những yếu tố bất lợi có tính khách quan đó. Dù muốn hay không, nhiều hiểm họa, rủi ro đã, đang và sẽ còn xuất hiện chi phối đến cuộc sống của mỗi người, mỗi gia đình, doanh nghiệp và toàn xã hội. Đứng trước thực trạng đó, con người luôn có hành động tích cực, chủ động bằng tất cả khả năng của mình để ngăn ngừa, hạn chế, khắc phục nhằm giảm tới mức thấp nhất những thiệt hại về người và của để sớm phục hồi lại quá trình sản xuất kinh doanh, đời sống. Một trong những biện pháp hữu hiệu nhất để hạn chế, khắc phục các hậu quả của rủi ro, đó chính là bảo hiểm.

Bảo hiểm thực chất là việc con người phải dành ra một phần thu nhập trong kết quả lao động hàng ngày của mình để lập ra quỹ dự trữ đủ lớn bằng vật hoặc bằng tiền (quỹ đó gọi là quỹ dự trữ bảo hiểm) nhằm hỗ trợ tài chính cho việc đề phòng và hạn chế tổn thất khi hiểm họa chưa hoặc đang xảy ra và bù đắp, bồi thường kịp thời những thiệt hại và tổn thất về người, tài sản khi có hiểm họa xảy ra. Khi nền kinh tế ngày càng phát triển, nhu cầu bảo hiểm ngày càng đòi hỏi đa dạng do rủi ro khách quan là loại trừ, chỉ có thể hạn chế ở mức độ nào đó, thậm chí có nhiều hiểm họa rủi ro mới xuất hiện. Bên cạnh đó, cùng với sự phát triển của nền kinh tế, người dân có thu nhập ngày càng cao, nhu cầu cần được bảo vệ một cách chủ động càng lớn.

Từ nhu cầu đó nhiều loại hình bảo hiểm khác nhau ra đời như bảo hiểm tài sản, bảo hiểm trách nhiệm dân sự, bảo hiểm con người [1, Tr. 17 – 18]. Ở Việt Nam, hoạt động bảo hiểm ra đời muộn hơn so với các nước trên thế giới, ngày 18 tháng 12 năm 1993 Chính phủ ban hành Nghị định 100-CP đã đánh dấu sự hình thành khung pháp lý điều chỉnh hoạt động kinh doanh bảo hiểm ở Việt Nam. Thực tế hoạt động bảo hiểm được thực hiện dựa trên tiền đề là rủi ro nên bản thân hoạt động kinh doanh bảo hiểm càng chứa đựng nhiều rủi ro. Vì vậy, nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể tham gia hoạt động kinh doanh bảo hiểm đòi hỏi pháp luật cần có những quy định đầy đủ và phù hợp nhằm tạo điều kiện cho hoạt động kinh doanh bảo hiểm phát triển đồng thời đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên tham gia.

Trong các loại hình bảo hiểm, nhu cầu về bảo hiểm tài sản chiếm tỉ trọng khá cao. Bảo hiểm tài sản ra đời và phát triển do nhu cầu khách quan của con người. Đồng thời là một loại hình bảo hiểm phổ biến và xuất hiện sớm nhất so với các loại hình bảo hiểm khác như bảo hiểm y tế, bảo hiểm trách nhiệm dân sự. Bảo hiểm tài sản được hình thành dựa trên nhu cầu bảo vệ quyền lợi tài chính của chủ sở hữu tài sản khi có rủi ro xảy ra [2, Tr. 13]. Mối quan hệ giữa doanh nghiệp bảo hiểm (DNBH) và bên mua bảo hiểm là mối quan hệ hợp đồng. Hợp đồng bảo hiểm được các bên thoả thuận vừa là công cụ thực hiện pháp luật vừa là sản phẩm của thị trường bảo hiểm.

Thực tiễn giao kết hợp đồng bảo hiểm tài sản cho thấy các DNBH sẽ là bên soạn thảo trước các “điều khoản mẫu” để bên mua bảo hiểm xem xét trả lời chấp nhận trong một khoảng thời gian nhất định, nếu bên mua bảo hiểm đồng ý tham gia bảo hiểm đồng nghĩa với việc chấp nhận toàn bộ nội dung hợp đồng bảo hiểm theo điều khoản mẫu mà DNBH đã đưa ra. Chính vì vậy, bên mua bảo hiểm không được đàm phán, thoả thuận về việc sửa đổi, bổ sung điều khoản của hợp đồng bảo hiểm, từ đó bên mua bảo hiểm rơi vào tình thế “khó” có thể hiểu hết các điều khoản “điều kiện giao dịch chung” trong khi DNBH lại là bên ban hành các điều kiện giao dịch chung thường có xu hướng thiết kế các nội dung có lợi cho DNBH và “khéo léo” đưa vào một số điều khoản có thể gây “bất lợi” cho bên mua bảo hiểm khi giao kết và thực hiện hợp đồng. Do phải chấp nhận các điều kiện giao dịch chung một cách bị động nên bên mua thường là bên “yếu thế” so với DNBH trong quan hệ hợp đồng bảo hiểm tài sản và dễ bị “tổn thương” khi phát sinh các rủi ro trong quá trình thực hiện hợp đồng [3].

Về kỹ thuật lập pháp, các quy định pháp luật về hợp đồng bảo hiểm tài sản là một chế định pháp lý quan trọng đã được nhà làm luật ghi nhận chính thức trong Luật Kinh doanh bảo hiểm (Luật KDBH) qua các thời kỳ (Luật KDBH năm 2000, sửa đổi bổ sung năm 2010, 2019; và Luật KDBH năm 2022); tuy nhiên, các quy định về “điều kiện giao dịch chung” trong hợp đồng bảo hiểm tài sản lại không được nhà làm luật ghi nhận trực tiếp trong Luật KDBH mà được

điều chỉnh một cách gián tiếp thông qua các quy định chung của BLDS năm 2015 và Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng (Luật BVQLNTD) năm 2010. Thực tiễn giao kết và thực hiện hợp đồng bảo hiểm tài sản cho thấy: “Việc sử dụng các điều kiện giao dịch chung trong hợp đồng bảo hiểm tài sản đã đem lại hiệu quả kinh tế cho DNBH như tiết kiệm được thời gian, chi phí đàm phán, ngôn từ chuẩn xác, nội dung được chuẩn hóa rất phù hợp với hợp đồng đòi hỏi chuyên môn hóa” [4]. Tuy nhiên, các điều kiện giao dịch chung trong hợp đồng bảo hiểm tài sản cũng có những hạn chế bất cập, bên soạn thảo điều kiện giao dịch chung DNBH có nguy cơ lạm dụng các điều khoản để chèn ép bên mua bảo hiểm hoặc dùng những thủ thuật pháp lý để tránh rủi ro, đẩy bất lợi cho bên mua bảo hiểm.

2. Quy định pháp luật về điều kiện có hiệu lực của “điều kiện giao dịch chung” trong hợp đồng bảo hiểm tài sản

Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân tham gia bảo hiểm tài sản; đồng thời, đẩy mạnh hoạt động kinh doanh bảo hiểm tài sản, từ đó góp phần tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh bảo hiểm thì các đạo luật KDBH qua các thời kỳ từ Luật KDBH năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2010, 2019) đến Luật KDBH năm 2022 đã củng cố hành lang pháp lý cho hoạt động kinh doanh bảo hiểm, trong đó đưa ra những quy định thiết yếu liên quan đến hợp đồng bảo hiểm tài sản. Tuy nhiên, kể từ Luật KDBH năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2010, 2019) đến Luật KDBH năm 2022 thì quan điểm của nhà làm luật đều không quy định cụ thể về các “điều kiện giao dịch chung” trong hợp đồng bảo hiểm; do đó, khi Luật KDBH với tư cách là “luật chuyên ngành” không quy định cụ thể thì các giải pháp pháp lý về “điều kiện giao dịch chung” theo quy định của BLDS năm 2015 (Luật chung điều chỉnh các quan hệ hợp đồng [5]) sẽ được áp dụng dựa trên nguyên tắc tại Điều 4.

Dưới góc độ luật thực định theo quy định tại Điều 406 BLDS năm 2015 thì điều kiện để “điều kiện giao dịch chung” có hiệu lực với bên xác lập giao dịch khi: (i) phải công khai để bên xác lập giao dịch biết hoặc phải biết về điều kiện đó; (ii) phải bình đẳng. Trường hợp điều kiện giao dịch chung có quy định về miễn trách nhiệm của bên đưa ra điều kiện giao dịch chung, tăng trách nhiệm hoặc loại bỏ quyền lợi chính đáng của bên kia thì quy định này không có hiệu lực. Tuy nhiên, về kỹ thuật lập pháp thì BLDS năm 2015 lại không đưa ra các chỉ dẫn cụ thể về hình thức công khai điều kiện giao dịch chung như thế nào? (Công khai trên website hay trong hợp đồng hay chỉ cần được nhắc bằng lời nói), có phải giải thích các điều kiện giao dịch chung

cho bên chấp nhận điều kiện giao dịch biết không? Tiêu chí nào để xác định điều kiện giao dịch chung bình đẳng giữa các bên, nếu điều kiện giao dịch chung do DNBH soạn thảo không đảm bảo một trong hai điều kiện trên thì hợp đồng bảo hiểm tài sản có bị vô hiệu không?

Về vấn đề này, nghiên cứu đối sánh tác giả nhận thấy BLDS của CHLB Đức (Bürgerliches Gesetzbuch – BGB) đã đưa ra các giải pháp pháp lý rất cụ thể. Theo đó, BGB quy định trách nhiệm của bên đưa ra điều kiện giao dịch chung phải thông báo rõ ràng cho bên còn lại về sự tồn tại hoặc dẫn chiếu tới điều kiện giao dịch chung trong hợp đồng, phải được đặt ở nơi dễ nhận thấy, bên còn lại phải được tạo điều kiện để đọc các điều kiện giao dịch chung đó một cách chấp nhận được trước khi ký hợp đồng, đặc biệt đối với khách hàng là người khuyết tật và đồng ý với việc áp dụng các điều khoản đó (Mục 305, Đoạn 2, BGB). Đồng thời BGB còn liệt kê chi tiết các trường hợp điều kiện giao dịch chung được coi là bất công bằng thể hiện sự mất cân đối rõ ràng về quyền và nghĩa vụ của cả hai bên và các điều khoản cấm trong hợp đồng, trường hợp vi phạm thì những điều khoản này sẽ bị coi là vô hiệu, điều này sẽ tạo thuận lợi cho các bên ban hành và áp dụng điều kiện giao dịch chung dễ dàng nhận biết được điều khoản nào của hợp đồng là điều khoản bất bình đẳng gây bất lợi cho mình với điều khoản nào là điều khoản cấm không được đưa vào trong hợp đồng [6].

Tác giả cho rằng, trong tương lai nhà làm luật có thể tham khảo các giải pháp pháp lý của BLDS của CHLB Đức, từ đó quy định cụ thể hơn trong BLDS về các điều kiện để điều kiện giao dịch chung trở thành một bộ phận của hợp đồng như hình thức công khai, thời điểm công khai, giải thích điều kiện giao dịch chung, các trường hợp điều kiện giao dịch chung vô hiệu... Đây là cơ sở pháp lý vững chắc để bảo vệ quyền lợi cho các bên trong giao kết hợp đồng bảo hiểm tài sản, đồng thời góp phần ngăn ngừa những rủi ro pháp lý phát sinh giữa các bên trong giao kết hợp đồng bảo hiểm tài sản.

3. Quy định pháp luật về loại trừ trách nhiệm bảo hiểm tài sản

Dưới góc độ luật thực định thì Luật KDBH năm 2022 tại Điều 19 đã quy định về điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm được hiểu là các trường hợp mà DNBH không phải bồi thường hoặc không phải trả tiền bảo hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm. Điều này có nghĩa là khi xảy ra những trường hợp được loại trừ trách nhiệm trong hợp đồng bảo hiểm tài sản mặc dù sự kiện bảo hiểm xảy ra nhưng bên mua bảo hiểm sẽ không nhận được bất kỳ khoản thanh toán nào của doanh nghiệp bảo hiểm [7, Tr. 163 – 169]. Tham khảo điều khoản bảo hiểm tài sản của một số DNBH cho thấy hầu hết các DNBH đã đưa vào các hợp đồng bảo hiểm tài sản “mẫu” các trường hợp DNBH không bồi thường khi xảy ra sự kiện bảo hiểm do lỗi của người mua bảo

hiểm như do đóng gói; khuyết tật vốn có của tài sản; do chiến tranh; đình công; khủng bố... Thực tế hiện nay đã xảy ra thực trạng các DNBH có xu hướng mở rộng “thêm” phạm vi loại trừ trách nhiệm bảo hiểm bằng việc xây dựng các “điều kiện giao dịch chung” thông qua những hợp đồng bảo hiểm tài sản mẫu; trong khi đó trách nhiệm bồi thường khi xảy ra sự kiện bảo hiểm rõ ràng thuộc về DNBH. Do đó, để tránh trường hợp các DNBH lạm dụng các điều khoản về “loại trừ trách nhiệm bảo hiểm” nhằm hạn chế trách nhiệm bồi thường thì ngoài phải quy định rõ trong hợp đồng bảo hiểm thì Luật KDBH năm 2022 còn yêu cầu các DNBH có “nghĩa vụ” phải giải thích rõ ràng, đầy đủ và có bằng chứng xác nhận việc bên mua bảo hiểm đã được DNBH giải thích đầy đủ và hiểu rõ nội dung này khi giao kết hợp đồng bảo hiểm tài sản (Khoản 2, Điều 19, Luật KDBH năm 2022). Bên cạnh đó, BLDS năm 2015 còn quy định trường hợp nếu điều kiện giao dịch chung có quy định về miễn trách nhiệm của bên đưa ra điều kiện giao dịch chung, tăng trách nhiệm hoặc loại bỏ quyền lợi chính đáng của bên kia thì quy định này không có hiệu lực, trừ trường hợp có thỏa thuận khác (Khoản 3, Điều 406, BLDS năm 2015).

Có thể thấy các quy định về *loại trừ trách nhiệm bảo hiểm* được nhà làm luật chú trọng tới, tuy nhiên, Luật KDBH với tư cách là đạo luật trực tiếp điều chỉnh vấn đề này thì lại quy định khá chung chung, chưa liệt kê cụ thể các trường hợp DNBH được miễn trách nhiệm bảo hiểm và theo nguyên tắc chung, khi luật chuyên ngành không trực tiếp quy định thì sẽ áp dụng luật chung của BLDS. Tuy nhiên về mặt pháp lý thì các quy định của BLDS năm 2015 cũng chưa thực sự bảo vệ tối đa quyền lợi cho người mua bảo hiểm khi quy định thêm trường hợp ngoại lệ nếu “có thỏa thuận khác”, bởi theo ngoại lệ này thì các điều khoản bất hợp lý kia sẽ không bao giờ bị coi là vô hiệu dù “điều kiện giao dịch chung” được cho là bất hợp lý cho người mua bảo hiểm nhưng nó sẽ vẫn có hiệu lực nếu người mua bảo hiểm tự nguyện ký kết vào hợp đồng và tự ràng buộc mình với các quy định trong hợp đồng bảo hiểm tài sản. Tác giả cho rằng quy định này không mang tính khả thi bởi trên thực tiễn thì DNBH là “chủ thể” soạn thảo ra các điều kiện giao dịch chung, còn người mua bảo hiểm với tư cách là bên chấp nhận giao kết hợp đồng bảo hiểm tài sản sẽ chấp thuận vô điều kiện toàn bộ các điều khoản của hợp đồng bảo hiểm tài sản, kể cả những điều khoản hạn chế quyền lợi, hoặc tăng trách nhiệm của bên mua bảo hiểm [8, Tr. 55 – 60]. Do đó, với cách quy định không giới hạn trong Luật KDBH năm 2022 ít nhiều đã tạo cơ hội cho DNBH dễ “lạm dụng” quy định về điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm để từ chối thực hiện nghĩa vụ bảo hiểm đối với bên mua bảo hiểm khi có rủi ro xảy ra, làm cho người mua bảo hiểm tài sản bị thiệt thòi nếu rơi vào hoàn cảnh đó. Đặc biệt, với các điều kiện giao dịch chung thì bên mua bảo hiểm sẽ rơi vào tình thế không có sự lựa chọn nào

khác phải chấp nhận các điều kiện giao dịch chung và không được đàm phán, thương lượng. Chẳng hạn, trong vụ việc tranh chấp hợp đồng bảo hiểm tài sản giữa Công ty Bibica và bảo hiểm PVI thì hai bên đã ký kết hợp đồng bảo hiểm với mọi rủi ro nhưng công ty bảo hiểm PVI căn cứ điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm trong quy tắc bảo hiểm của PVI cho rằng vụ nổ xảy ra là do quá trình đốt nóng liên tục do lỗi của người vận hành, thuộc trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm nên đã từ chối chi trả bồi thường cho khách hàng là không thỏa đáng. Dựa vào kết quả giám định, tòa án xác định vụ nổ nhà máy của Bibica là do khách quan không nằm trong điều khoản loại trừ bảo hiểm mà hai bên đã ký kết nên đã buộc công ty bảo hiểm PVI phải thanh toán tiền bảo hiểm cho Bibica [9]. Từ vụ việc này cho thấy, khi xảy ra sự kiện bảo hiểm, có nhiều trường hợp bên bảo hiểm căn cứ vào điều khoản loại trừ quy định trong quy tắc bảo hiểm của doanh nghiệp bằng việc đưa ra quá nhiều tình huống có thể xảy ra để từ chối loại trừ trách nhiệm của mình, nếu người mua bảo hiểm ở một trong những tình huống đó thì người mua bảo hiểm sẽ không được thanh toán tiền bảo hiểm và không phải ai cũng “may mắn” có thể thắng kiện như ví dụ trên.

Từ thực trạng DNBH đặt ra nhiều trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm trong hợp đồng bảo hiểm tài sản dẫn tới khi sự kiện bảo hiểm xảy ra, dường như người mua bảo hiểm thường ở vào tình thế bị loại trừ trách nhiệm bảo hiểm và sẽ không được nhận khoản tiền bảo hiểm nào từ phía DNBH. Do đó, theo tác giả, trong tương lai nhà làm luật cần xem xét bổ sung quy định về giới hạn các trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm mà DNBH đã đưa vào điều khoản loại trừ trách nhiệm trong hợp đồng bảo hiểm tài sản, từ đó hạn chế tình trạng lạm dụng các điều khoản soạn sẵn, người mua bảo hiểm không được thương lượng và ít để ý tới để được loại trừ trách nhiệm, đồng thời bảo vệ lợi ích cho người mua bảo hiểm khi có sự kiện bảo hiểm xảy ra. Về vấn đề này có ý kiến cho rằng: “Giới hạn của các trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm nên được thiết kế dưới dạng khái quát như sau: *“Các trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm chỉ được thoả thuận nhằm mục đích bảo đảm cho khả năng thanh toán của doanh nghiệp bảo hiểm”*. Điều này vừa đảm bảo đúng bản chất của hợp đồng kinh doanh bảo hiểm vừa đảm bảo quyền tự do kinh doanh cho doanh nghiệp bảo hiểm. Với trường hợp này, một trong các cơ chế để kiểm soát có hiệu quả giới hạn việc xây dựng và đưa vào trong hợp đồng các trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm của DNBH đó là thông qua quy trình đăng ký mẫu sản phẩm bảo hiểm của Bộ Tài chính. Đây là cơ quan bằng trình độ và năng lực của mình sẽ như một “phễu lọc” loại bỏ các quy định có khả năng xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của bên mua bảo hiểm trong hợp đồng với doanh nghiệp bảo hiểm [10].

4. Quy định pháp luật về đăng ký, thẩm định, phê duyệt, giám sát các điều kiện giao dịch chung trong hợp đồng bảo hiểm tài sản

Theo quy định của Luật KDBH năm 2022, đối với bảo hiểm tài sản thì DNBH phải có quy tắc, điều khoản, biểu phí của loại sản phẩm bảo hiểm dự kiến tiến hành trước khi sản phẩm bảo hiểm được triển khai (Khoản 2, Điều 87) và phải đăng ký và được Bộ Tài chính chấp thuận phương pháp, cơ sở tính phí bảo hiểm trước khi khai thác sản phẩm bảo hiểm. Trong thời hạn 21 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Tài chính có văn bản ghi nhận cơ sở và phương pháp tính phí của DNBH. Trường hợp từ chối chấp thuận, Bộ Tài chính có văn bản giải thích rõ lý do [11]. Tuy nhiên, dưới góc độ luật thực định thì Luật KDBH năm 2022 không yêu cầu DNBH phải đăng ký các “điều kiện giao dịch chung”.

Bên cạnh đó, theo quy định của Luật BVQLNTD năm 2010, chỉ những tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hoá, dịch vụ thuộc danh mục “thiết yếu” do Thủ tướng Chính phủ ban hành phải đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. Trường hợp phát hiện hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung vi phạm quyền lợi của người tiêu dùng thì cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền yêu cầu tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hoá, dịch vụ phải hủy bỏ hoặc sửa đổi hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung (Điều 19).

Từ các quy định Luật KDBH năm 2022 và Luật BVQLNTD năm 2010, có thể thấy hợp đồng bảo hiểm tài sản là sản phẩm không phải đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhưng DNBH phải công bố các sản phẩm bảo hiểm được phép triển khai bao gồm quy tắc, điều khoản, biểu phí bảo hiểm... Trường hợp nội dung của hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung vi phạm pháp luật về BVQLNTD hoặc trái với nguyên tắc chung về giao kết hợp đồng thì cơ quan có thẩm quyền có quyền yêu cầu tổ chức, cá nhân kinh doanh phải sửa đổi, hủy bỏ nội dung vi phạm đó (Điều 16 Nghị định 99/2011/NĐ-CP hướng dẫn Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng).

Có ý kiến cho rằng: “So với bảo hiểm nhân thọ, quy định của pháp luật về điều kiện giao dịch trong hợp đồng bảo hiểm tài sản đã được “nới lỏng”, tạo điều kiện cho các DNBH có quyền tự do kinh doanh, có thể cạnh tranh với các DNBH nước ngoài nhằm thúc đẩy thị trường bảo hiểm Việt Nam phát triển” [12]. Theo tác giả, trong thời gian tới để thực hiện pháp luật được hiệu quả hơn cần phải nâng cao trách nhiệm, đúng trình độ, chuyên môn của người thẩm

định các điều kiện giao dịch chung trước khi phê duyệt; đòi hỏi người thẩm định vừa phải có kiến thức chuyên sâu về pháp lý, vừa phải có kiến thức thực tiễn kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau; thành lập thêm phòng kiểm soát các điều kiện giao dịch chung không thuộc đối tượng đăng ký; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc sử dụng các điều kiện giao dịch chung của các DNBH; đồng thời, sửa đổi Điều 14 Nghị định 99/2011/NĐ-CP theo hướng quy định thêm trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt phải thông báo về việc chấp nhận các điều kiện giao dịch chung đó và gửi bản có chữ ký, đóng dấu giáp lai cho DNBH. Đây cũng là một trong những biện pháp quan trọng nhằm kiểm soát phần nào các hợp đồng theo mẫu, các điều kiện giao dịch chung không phải đăng ký với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, vừa đáp ứng được nhu cầu sử dụng các điều kiện giao dịch chung của doanh nghiệp, vừa bảo vệ được quyền lợi cho người tiêu dùng – bên không trực tiếp soạn thảo các điều kiện giao dịch chung [13]. Song, đây mới chỉ là cơ sở pháp lý ở dạng văn bản dưới luật trong lĩnh vực bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, cần phải nâng lên thành văn bản luật có giá trị pháp lý cao hơn trực tiếp được điều chỉnh trong chế định hợp đồng của BLDS, Luật BVQLNTD hoặc trong các luật chuyên ngành (Luật KDBH). Có vậy mới đảm bảo thượng tôn pháp luật trong các giao dịch về hợp đồng sử dụng các điều kiện giao dịch chung nói chung và hợp đồng bảo hiểm tài sản nói riêng.

5. Kết luận

Điều kiện giao dịch chung trong hợp đồng bảo hiểm tài sản là hợp đồng theo mẫu được DNBH soạn sẵn bao gồm các nội dung cơ bản của hợp đồng bảo hiểm tài sản được áp dụng chung cho các khách hàng mua bảo hiểm hàng hóa cùng loại. Tuy nhiên, không phải tất cả các điều khoản của hợp đồng bảo hiểm tài sản đều “điều kiện giao dịch chung” mà chủ yếu tồn tại ở bản quy tắc bảo hiểm riêng nhưng có giá trị ràng buộc với hợp đồng. Trong điều kiện cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 bùng nổ mạnh mẽ như hiện nay, điều kiện giao dịch chung sẽ là công cụ hữu hiệu để DNBH có thể áp dụng giao kết hợp đồng cho nhiều khách hàng khác nhau với cùng một loại giao dịch, giúp các DNBH tiết kiệm chi phí nguồn nhân lực thực hiện công đoạn bán hàng, đồng thời khách hàng dễ dàng chủ động tìm hiểu các nguồn thông tin về sản phẩm bảo hiểm. Mặc dù hệ thống khung pháp lý điều chỉnh về các điều kiện giao dịch chung trong hợp đồng bảo hiểm tài sản ngày càng tiếp tục được hoàn thiện; tuy nhiên thực tiễn áp dụng pháp luật vẫn tồn tại những bất cập, vướng mắc cần tiếp tục hoàn thiện.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bùi Thị Hằng Nga (2015), “*Pháp luật kinh doanh bảo hiểm*”, Nxb. Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.
2. Nguyễn Thị Thủy (2017), “*Pháp luật bảo hiểm tài sản tại Việt Nam*”, Nxb. Hồng Đức, trang 13.
3. Báo Tuổi trẻ (2022), *Khách hàng tố bị giả chữ ký trên hợp đồng bảo hiểm, Manulife nói gì?*, truy cập tại: <https://tuoitre.vn/khach-hang-to-bi-gia-chu-ky-tren-hop-dong-bao-hiem-manulife-noi-gi-20221013142605108.htm>, truy cập ngày 20/01/2023.
4. Lý Minh Triết (2006), *Pháp luật bảo hiểm tài sản – Thực trạng áp dụng và hướng hoàn thiện*, Luận văn thạc sĩ Luật học, Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh.
5. Đoàn Đức Lương, Dương Quỳnh Hoa (2020), “*Bình luận chuyên sâu chế định hợp đồng trong Bộ luật Dân sự năm 2015*”, Nxb. Tư pháp.
6. Nguyễn Công Đại (2017), “*Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong các giao dịch có sử dụng hợp đồng theo mẫu ở Việt Nam hiện nay*”, Luận án tiến sĩ Luật học, Học viện Khoa học xã hội.
7. Nguyễn Thị Bích Mai (2019), *Hoàn thiện quy định pháp luật về điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm trong hợp đồng bảo hiểm nhân thọ*, Tài liệu hội thảo “Hoàn thiện pháp luật về hợp đồng bảo hiểm nhân thọ”, Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh.
8. Bạch Thị Nhã Nam (2022), *Hoàn thiện quy định về điều khoản loại trừ trách nhiệm trong pháp luật bảo hiểm*, *Tạp chí Nghề luật*, Số 10.
9. Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh (2016), Bản án số 1081/2016/KDTM-PT ngày 16/9/2016 về tranh chấp hợp đồng bảo hiểm.
10. Đỗ Phương Thảo (2018), “*Loại trừ trách nhiệm bảo hiểm trong hợp đồng kinh doanh bảo hiểm*”, *Tạp chí TAND điện tử*; truy cập tại: <https://tapchitoaan.vn/loai-tru-trach-nhiem-bao-hiem-trong-hop-dong-kinh-doanh-bao-hiem>, truy cập ngày 12/01/2023.
11. Chính phủ (2022), *Tờ trình dự thảo Nghị định quy định chi tiết Luật Kinh doanh bảo hiểm*.

12. Vũ Đình Hoàng (2021), *Pháp luật về bảo hiểm tài sản ở Việt Nam từ thực tiễn thực hiện tại công ty bảo hiểm BSH Duyên Hải – Hải Phòng*, Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Mở Hà Nội.
13. Trần Phước Thu (2014), *“Pháp luật về hợp đồng bảo hiểm tài sản ở Việt Nam”*, Luận văn thạc sĩ, Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội.